

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 83/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22/8/2023

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU - TỈNH GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Loan Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Kiên và bà Ngô Thị Thao.

Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa: Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 449/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Bích T**, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện P, tỉnh B. Có mặt

- Bị đơn: Anh **Trần Tấn H**, sinh năm 1976; Địa chỉ: 293/1 đường Đ, Tổ 01, phường T, thành phố P, tỉnh GVắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày: Chị và anh Trần Tấn H tự nguyện tìm hiểu có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã Cát Khánh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định vào ngày 16/4/2012. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh H thường xuyên nợ nần, không có trách nhiệm với vợ con. Nên chị dẫn hai con bỏ về nhà mẹ đẻ sống tại Thôn A, xã C, huyện P, tỉnh B từ năm 2021 cho đến nay. Chị đã cho anh H thời gian gần 02 năm vợ chồng sống ly thân để anh H thay đổi nhưng anh H vẫn không thay đổi. Hiện nay không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau, không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc nên không thể kéo dài cuộc sống chung với nhau được, do vậy chị T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Trần Tấn H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Trần Nhã M, sinh ngày 14/9/2014 và Trần Khánh Đ, sinh ngày 02/12/2016. Hiện nay hai cháu đang ở với chị. Chị đang làm nghề kế toán thu thập một tháng 4.000.000 đồng, ngoài ra chị làm thêm tại nhà thì tổng thu nhập 1 tháng khoảng 7 triệu/tháng nhưng với đời sống ở quê thấp nên ba mẹ con chị vẫn trải được cuộc sống. Hơn nữa chị đang sống ở nhà cha mẹ để nên họ phụ giúp chị thêm trong quá trình nuôi các con. Do đó, sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai cháu My và Đan; Không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Tấn H trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Bích T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn như chị T trình bày. Trong quá trình chung sống anh có làm ăn thua lỗ và có nợ nần nhưng hiện nay anh cũng trả nợ gần xong. Vì vậy anh mong muốn chị T suy nghĩ lại vợ chồng quay về đoàn tụ với nhau làm ăn nuôi con. Tuy nhiên tại phiên hòa giải chị T vẫn cương quyết ly hôn nên anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là Trần Nhã M, sinh ngày 14/9/2014 và Trần Khánh Đ, sinh ngày 02/12/2016. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi 01 cháu, cháu nào cũng được. Hiện nay anh làm nghề Grap và làm thêm kế toán ở công ty nên lương khoảng 15.000.000 đồng hàng tháng, anh có đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: cho chị T được ly hôn với anh H; Về con chung: giao hai cháu My và Đan cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; Về án phí: Chị T và anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T yêu cầu ly hôn với anh Trần Tấn H, sinh năm 1976; Địa chỉ: 293/1 đường Đ, Tổ 01, phường T, thành phố P, tỉnh G Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1

Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Trần Tấn H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị T và anh H có phát sinh mâu thuẫn nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H. Anh H cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Hội đồng xét xử xét thấy chị T và anh H không ai còn quan tâm lo lắng, chăm sóc cho nhau, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H như vậy là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích T và anh Trần Tấn H.

[4] Về việc nuôi con: Chị T và anh H có hai con chung là Trần Nhã M, sinh ngày 14/9/2014 và Trần Khánh Đ, sinh ngày 02/12/2016. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi hai cháu My và Đan và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Anh H yêu cầu nuôi một cháu cháu nào cũng được. Qua biên bản xác minh tại Tổ dân phố tổ 01, phường Thống Nhất xác định hiện nay anh H đang ở nhà mẹ đẻ, bố anh H đã mất, mẹ anh già yếu đang bị tai biến, gia đình anh còn có một người em cũng bị bệnh đang sống cùng nhà, anh H hiện nay đang là nghề Grap xe motor, gia đình anh H đang thuộc diện khó khăn. Đối với chị T đang trong độ tuổi lao động, có nghề nghiệp ổn định, có sức khỏe, đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các cháu My và Đan là cháu gái và có nguyện vọng được sống cùng chị T. Do vậy, cần giao cho chị T trực tiếp nuôi con là các cháu Trần Nhã M, sinh ngày 14/9/2014 và Trần Khánh Đ, sinh ngày 02/12/2016 cho đến khi các cháu My và Đan đủ 18 tuổi và tự lập được là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T và anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Vì nguyên đơn và bị đơn thuận tình ly hôn nên phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích T, cụ thể như sau:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích T và anh Trần Tấn H.

2. Về việc nuôi con: Giao các cháu Trần Nhã M, sinh ngày 14/9/2014 và Trần Khánh Đ, sinh ngày 02/12/2016 cho chị Nguyễn Thị Bích T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000447 ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku. Hoàn trả lại cho chị T 225.000 đồng. Anh Trần Tấn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn 75.000 đồng. Anh H chưa nộp.

Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (22/8/2023), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa được tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố Pleiku;
- Chi cục THADS thành phố Pleiku;
- UBND xã Cát Khánh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định (GCNKH số 38, ngày 26/4/2012);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Loan Phương

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố Pleiku;
- Chi cục THADS thành phố Pleiku;
- UBND Phường Phù Đồng, TP Pleiku
(GCNKH số 99, ngày 10/8/2013);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Loan Phương

